

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14/01/2022
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nữ;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân là Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 139/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh B; địa chỉ liên hệ: Phòng trọ V1, tổ 2, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: Số 31/91/9A, đường Đ, tổ 9, khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/3/2021 và tại bản tự khai ngày 26/4/2021, nguyên đơn chị Hoàng Thị V trình bày:

Chị Hoàng Thị V và anh Nguyễn Văn X là vợ chồng, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 119, ngày 21/11/2018. Vợ chồng chung sống nhưng luôn bất đồng quan điểm, do tính tình

không hợp nhau, anh X luôn yêu cầu chị V phải có trách nhiệm đưa tiền hàng tháng cho mẹ chồng nhưng bản thân anh X không phụ giúp chị V; do thu nhập của vợ chồng không ổn định nên anh X không muốn có con. Do bất đồng quan điểm trong việc chi tiêu trong gia đình và chuyện con cái nên vợ chồng dần mất tình cảm, chị V bỏ về nhà mẹ đẻ tại tỉnh B sinh sống từ cuối năm 2020 nên anh chị ly thân nhau cho đến nay. Từ khi chị V về nhà mẹ đẻ sinh sống anh X cũng không quan tâm, hỏi thăm. Nay chị V thấy tình cảm vợ chồng không còn và mâu thuẫn không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn anh X.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn X: Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh X để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 07/6/2021; tham gia phiên tòa vào các ngày 17/12/2021 và 14/01/2022 nhưng anh X vắng mặt không có lý do. Đồng thời, anh X cũng không có ý kiến, yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện của chị V.

Ngày 18/5/2021, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống giữa chị Hoàng Thị V và anh Nguyễn Văn X tại địa phương và được ông Nguyễn Văn H là cán bộ Ban điều hành khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh B cung cấp: Quá trình chị Hoàng Thị V và anh Nguyễn Văn X sinh sống tại địa phương, chính quyền không ghi nhận anh, chị có mâu thuẫn vì chị V, anh X không khai báo và cũng không có đơn đề nghị hòa giải mâu thuẫn gia đình. Tuy nhiên, khoảng một năm trở lại đây thì chị V và anh X không còn chung sống với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm. Về mặt nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị V yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị Vân có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn X Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày

17/12/2021 và 14/01/2022 nhưng anh X vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị V, anh X theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị V và anh Nguyễn Văn X là vợ chồng, tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 119, ngày 21/11/2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Theo đơn khởi kiện, chị V trình bày nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh X không quan tâm đến chị V, không muốn có con chung. Từ cuối năm 2020, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, chị V nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn với anh X.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện việc vợ chồng chị V, anh X có mâu thuẫn hay không thì địa phương không rõ, vì vợ chồng chị V, anh X không trình báo địa phương về vấn đề mâu thuẫn gia đình. Xét thấy, thực tế chị V, anh X không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay, cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị V có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, anh X vắng mặt không có lý do, chị V còn làm đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành đối chất, hòa giải cho thấy cả chị V, anh X không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa chị V, anh X đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị V yêu cầu được ly hôn với anh X là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, khoản 1 Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị V đối với bị đơn anh Nguyễn Văn X về việc “Ly hôn”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Văn X.

1.2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hoàng Thị V phải chịu số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0051323 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS TP. T;
- UBND phường P;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Thị Nguyệt Ánh